

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 287 - HĐBT ngày 26-9-1991 về chính sách, chế độ đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân phục viên.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Pháp lệnh về lực lượng an ninh nhân dân Việt Nam ngày 2 tháng 11 năm 1987 và Pháp lệnh về lực lượng cảnh sát Nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 1 năm 1989;

Đề tạo điều kiện cho cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ, tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của lực lượng công an nhân dân Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Chính sách, chế độ đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân phục viên như sau:

1. Đối tượng được thực hiện chế độ phục viên.

a) Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ đã phục vụ trong lực lượng công an nhân dân từ 5 năm tròn (60 tháng) trở lên nếu là nam; 3 năm tròn (36 tháng) trở lên nếu là nữ.

b) Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân bị thương được xếp hạng thương tật.

c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân mất sức lao động từ 31% đến 59% do trải qua chiến đấu hoặc do hoạt

động ở Lào, Cam-pu-chia và các vùng biên giới, hải đảo.

2. Chế độ trợ cấp và chính sách đối với người phục viên.

a) Được trợ cấp một lần trước khi phục viên một khoản tiền bằng một tháng lương hoặc sinh hoạt phí và cứ mỗi năm phục vụ liên tục trong công an nhân dân được trợ cấp bằng một tháng lương (hoặc sinh hoạt phí) và các khoản phụ cấp lương, trợ cấp lương (nếu có). Có quyết định phục viên bất cứ ngày nào trong tháng cũng được đơn vị cấp lương hoặc sinh hoạt phí hết tháng đó. Người phục viên được cấp tiền tàu xe, phụ cấp đi đường từ đơn vị về nơi cư trú.

b) Đối với người phục viên là thương binh được xếp hạng hoặc là người mất sức lao động từ 31% đến 59% do trải qua chiến đấu hoặc do hoạt động ở Lào, Cam-pu-chia và các vùng biên giới, hải đảo mã khoản trợ cấp theo cách tính trên chưa bằng 5 tháng lương hoặc sinh hoạt phí thì cũng được trợ cấp bằng 5 tháng lương hoặc sinh hoạt phí.

c) Được chính quyền địa phương và cơ quan ưu tiên trong việc giải quyết việc làm.

d) Được miễn lao động công ích ở địa phương bằng thời gian đã phục vụ trong công an nhân dân.

Điều 2. Kinh phí chi trả các khoản chế độ trợ cấp đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân phục viên do Ngân sách Nhà nước cấp cho Bộ Nội vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Khi Nhà nước có quy định sửa đổi, bổ sung chính sách chế độ đối với quân nhân phục viên, thì sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân phục viên cũng được thực hiện chính sách, chế độ đó.

Điều 4.- Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 5.- Thủ trưởng các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T CHỦ TỊCH

Phó Chủ tịch

PHAN VĂN KHAI

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 337-HĐBT ngày 25-10-1991 về một số biện pháp quản lý ngoại tệ trong thời gian trước mắt.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Để đáp ứng nhu cầu ngoại tệ cho nhập khẩu những vật tư, hàng hóa thiết yếu và chi trả dịch vụ của những tháng cuối năm 1991, đồng thời từng bước thiết lập trật tự trong quản lý ngoại hối theo hướng thực hiện Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Mọi nguồn thu ngoại tệ từ xuất khẩu hàng hóa và làm dịch vụ với nước ngoài, bán hàng và làm dịch vụ thu ngoại tệ ở trong nước, và các khoản thu khác của các tổ chức và đơn vị kể cả các nguồn thu của Bộ Tài chính, đều phải gửi vào tài khoản của mình tại ngân hàng được phép kinh doanh ngoại tệ. Ngoại tệ gửi vào ngân hàng được hưởng lãi bằng ngoại tệ. Ngoại tệ của các tổ chức và đơn vị gửi tại ngân hàng được sử dụng để:

- Chi trả tiền hàng nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại và Du lịch, trả dịch vụ cho nước ngoài, trả nợ vay ngân hàng và vay của nước ngoài, góp vốn vào xi nghiệp liên doanh theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và chi các khoản khác ra nước ngoài theo quy định.

- Bán cho các ngân hàng được phép kinh doanh ngoại tệ hoặc bán tại trung tâm giao dịch ngoại tệ.

Những tổ chức và đơn vị đã bán ngoại tệ cho ngân hàng, khi có nhu cầu ngoại tệ theo quy định trên, ngân hàng có trách nhiệm bán ngoại tệ cho tổ chức và đơn vị. Trường hợp đơn vị có yêu cầu chi lớn hơn số đã bán cho ngân hàng sẽ được ngân hàng xem xét đáp ứng trong khả năng ngoại tệ ngân hàng điều hòa được, hoặc ngân hàng mua hộ cho đơn vị tại các trung tâm giao dịch ngoại tệ.

Các đơn vị (trừ các ngân hàng được phép kinh doanh ngoại tệ) không được cho vay, thanh toán, mua bán, chuyển nhượng với nhau bằng ngoại tệ.

Điều 2.- Ngân hàng Nhà nước thống nhất quản lý việc mua bán ngoại tệ trong cả nước, qua các Ngân hàng được phép kinh doanh ngoại tệ và các trung tâm giao dịch ngoại tệ.

Điều 3.- Tỷ giá giữa đồng Việt Nam với ngoại tệ là tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước công bố, trên cơ sở tỷ giá mua bán tại các trung tâm giao dịch ngoại tệ.

Điều 4.- Ngân hàng Nhà nước chủ trì cùng với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại và Du lịch lập cân đối thu chi ngoại tệ để nhập khẩu những mặt hàng thiết yếu và chi trả nợ Nhà nước 3 tháng cuối năm 1991 (kể cả phần gói đầu kế hoạch 1992), và đề xuất các phương án xử lý trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xem xét quyết định.